

quốc dân, Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ, Văn phòng được lập phòng do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

b) Các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ:

1. Viện Chiến lược phát triển;
2. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;
3. Trung tâm Thông tin kinh tế - xã hội quốc gia;
4. Trung tâm Tin học;
5. Báo Đầu tư;
6. Tạp chí Kinh tế và dự báo.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Chiến lược phát triển và Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 75/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy định pháp luật trước đây trái với Nghị định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 62/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2002/QH11 ngày 05 tháng 8 năm 2002 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ nhất, quy định danh sách các Bộ và cơ quan ngang Bộ của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Tư pháp là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, thi hành án dân sự, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và công tác tư pháp khác trong phạm vi cả nước; thực hiện quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Tư pháp có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch sau khi được phê duyệt và các văn bản pháp luật khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

3. Về công tác xây dựng pháp luật:

a) Lập dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ và theo dõi việc thực hiện chương trình đó sau khi được quyết định;

b) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ và các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông tư thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

d) Trực tiếp tham gia xây dựng các dự án luật, pháp lệnh do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì soạn thảo;

đ) Thẩm định các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo điều ước quốc tế theo quy định của pháp luật;

e) Hướng dẫn, kiểm tra công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ;

4. Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) Thống nhất quản lý công tác kiểm tra văn

bản quy phạm pháp luật; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;

b) Thực hiện kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành về những nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước do Bộ phụ trách;

c) Giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật; kiến nghị xử lý, xử lý theo thẩm quyền hoặc xử lý theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ các văn bản trái pháp luật;

5. Về phổ biến, giáo dục pháp luật:

a) Thống nhất quản lý công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

b) Thông tin pháp luật, biên soạn, xuất bản, phát hành các tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp và trường học;

6. Về thi hành án dân sự:

a) Thống nhất quản lý công tác thi hành án dân sự;

b) Quản lý thống nhất hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan thi hành án dân sự từ Trung ương đến địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo việc thi hành và trực tiếp thi hành các bản án, quyết định của tòa án theo quy định của pháp luật;

7. Thống nhất quản lý về công chứng, chứng thực, hộ tịch, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, quốc tịch, lý lịch tư pháp và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể trong các lĩnh vực này theo quy định của pháp luật;

8. Thống nhất quản lý về tổ chức và hoạt động của luật sư trong nước, luật sư nước ngoài tại Việt Nam; về tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật, hoạt động giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại theo quy định của pháp luật;

9. Thống nhất quản lý và thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng Quỹ trợ giúp pháp lý ở Trung ương và hướng dẫn việc sử dụng các nguồn tài trợ trợ giúp pháp lý ở địa phương;

10. Thống nhất quản lý về đăng ký giao dịch bảo đảm; thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, tài sản cho thuê tài chính và các giao dịch, tài sản khác theo quy định của pháp luật;

11. Hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở;

12. Thống nhất quản lý các hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật; thực hiện hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

Thực hiện việc cấp ý kiến pháp lý cho các dự án theo quy định của pháp luật; tham gia giải quyết về mặt pháp lý các tranh chấp quốc tế có liên quan tới Việt Nam theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

13. Nghiên cứu khoa học pháp lý; phát triển và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học pháp lý trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

14. Xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật, giao dịch bảo đảm, công chứng, hộ tịch, lý lịch tư pháp và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật;

15. Quyết định các chủ trương, biện pháp cụ thể và chỉ đạo việc thực hiện cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật; quản lý và chỉ đạo hoạt động đối với các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ;

16. Quản lý nhà nước đối với hoạt động của hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật;

17. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ;

18. Về cải cách hành chính:

a) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả cải cách thể chế hành chính nhà nước;

b) Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Bộ theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

19. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán Bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ; xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên môn ngành tư pháp và bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ; đào tạo cán bộ pháp lý, đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp theo quy định của pháp luật;

20. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Bộ**a) Các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước:**

1. Vụ Pháp luật hình sự, hành chính;
2. Vụ Pháp luật dân sự, kinh tế;
3. Vụ Pháp luật quốc tế;
4. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật;
5. Vụ Quản lý công chứng, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp (gọi chung là Vụ Hành chính tư pháp);
6. Vụ Quản lý luật sư, tư vấn pháp luật, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại (gọi chung là Vụ Hỗ trợ tư pháp);
7. Vụ Kế hoạch - tài chính;
8. Vụ Hợp tác quốc tế;
9. Vụ Tổ chức cán bộ;
10. Cục Thi hành án dân sự;
11. Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;
12. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm;
13. Cục Trợ giúp pháp lý;
14. Cục Con nuôi quốc tế;
15. Thanh tra;
16. Văn phòng.

b) Các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ:

1. Viện Khoa học pháp lý;
2. Trường Đại học Luật Hà Nội;
3. Trường Đào tạo các chức danh tư pháp;
4. Báo Pháp luật;
5. Tạp chí Dân chủ và pháp luật;
6. Trung tâm Tin học.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15

ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 38/CP ngày 04 tháng 6 năm 1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 110/2003/QĐ-TTg về Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của ngành thủy sản năm 2003.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước số 30/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 12 năm 2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản và Bộ trưởng Bộ Công an,